

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 12-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Vũ Công Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Hà Thị H (Hà Thị H), sinh ngày 21 tháng 5 năm 1986; tại huyện P, tỉnh Sơn La. Nơi thường trú: xóm V, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi tạm trú: T4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: không đi học; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Cầm Văn P (đã chết) và bà Đinh Thị N, sinh năm 1958; chưa có chồng (chung sống như vợ chồng với Lường Văn H, sinh năm 1978) và 04 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Giàng A T, sinh năm 1966, nơi cư trú: bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn dân sự: Hà Thị H (Hà Thị H), sinh năm 1986 (mẹ đẻ Hà Thị Lan A, sinh ngày 21/02/2007), nơi thường trú: xóm V, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi tạm trú: T4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người làm chứng: Lường Văn H1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/11/2017 Giàng A T nhận lời mời ăn cơm tối của Lương Văn H là người quen biết từ trước; khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày T mang theo 01 chiếc cặp (túi xách) bên trong có 01 chiếc ví màu đen đựng 6.030.000VNĐ gồm 12 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000VNĐ và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000VNĐ đến nhà H ở T4, thị trấn B, uống rượu, ăn cơm. Sau khi uống rượu, ăn cơm xong T lên giường ngủ còn H đi đón Hà Thị H về nhà ngủ đến khoảng 3 giờ 30 phút ngày 19/11/2017, H dậy thì thấy chân của T rơi khỏi giường nên đã cầm đắp lại cho T. Lúc này, qua ánh sáng bóng đèn điện ngủ H phát hiện bên cạnh chiếc gối T đang gối đầu ngủ có 01 chiếc cặp (túi xách) màu đen, ngăn ngoài chiếc cặp không khóa nên thò tay vào bên trong cầm lấy chiếc ví rồi kiểm tra thấy 01 ngăn đựng giấy tờ, 01 ngăn đựng tiền, H rút lấy 04 tờ tiền loại mệnh giá 500.000VNĐ tương đương số tiền 2.000.000VNĐ rồi để chiếc ví vào như trước và quay lại giường ngủ đến 5 giờ 30 phút, H dậy và đi làm thuê đến khoảng 14 giờ cùng ngày H gặp và đưa cho H1 số tiền 2.000.000VNĐ, H1 đã chi tiêu trong gia đình.

Ngoài việc Hà Thị H chiếm đoạt số tiền 2.000.000VNĐ thì trong khi uống rượu, ăn cơm tại nhà H (khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/11/2017) anh Giàng A T có lấy tiền từ trong ví cho con của H nên cháu Hà Thị Lan A (Lường Khánh L), sinh ngày 21/02/2007 (con riêng của Hà Thị H) biết được T có tiền để trong ví nên đã lợi dụng lúc anh T mãi nói chuyện với H không để ý liền đến gần chiếc cặp của anh T rồi thò tay vào lấy chiếc ví màu đen mang ra hành lang nhà mở ra xem thấy bên trong có một số giấy tờ và tiền, liền lấy toàn bộ số tiền trong ví ra đếm có 12 tờ tiền polime mệnh giá 500.000VNĐ, tổng số là 6.000.000VNĐ; Hà Thị Lan A đã lấy 05 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ tương đương số tiền 2.500.000VNĐ cất vào túi áo khoác đang mặc trên người, số tiền còn lại cất vào trong ví rồi mang ví cất lại trong chiếc cặp như lúc đầu, có số tiền cháu Hà Thị Lan A đi mua 01 xe đạp và chi tiêu cá nhân hết.

Phát hiện bị mất tài sản ngày 19/11/2017 anh Giàng A T đã trình báo đề nghị cơ quan chức năng xác minh làm rõ số tiền bị mất tại nhà anh Lương Văn H1 là 4.500.000VNĐ.

Trong quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường thu giữ vật chứng gồm: thu giữ với Hà Thị H 01 chiếc xe đạp mini màu hồng, đã qua sử dụng; thu giữ với Giàng A T 01 cặp giả da màu đen, 03 ngăn, được đóng lại bằng khóa kéo, góc dưới bên phải của cặp có dòng chữ “ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ LẦN THỨ NHẤT NĂM 2009”, đã qua sử dụng; 01 ví giả da màu đen, mặt trước ví có dòng chữ “VERSACE TOP QUALITY”, đã qua sử dụng.

Ngày 27/11/2017 Hà Thị H đã tự nguyện thoả thuận và bồi thường số tiền 4.500.000VNĐ cho bị hại Giàng A T.

Bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-BY ngày 07/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Hà Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức của bản thân hạn chế, cần tiền chi tiêu cho gia

định nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; cháu Hà Thị Lan A tuổi còn rất nhỏ, không có bố, không đi học, chưa được giáo dục tốt nên cháu đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hà Thị H (Hà Thị H). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Hà Thị H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 đến 18 tháng; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo; căn cứ các Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự chấp nhận bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 4.500.000VNĐ; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại 01 chiếc cặp giả da màu đen, 03 ngăn và 01 ví giả da màu đen cho anh Giàng A T và trả lại 01 chiếc xe đạp mini màu hồng cho Hà Thị H; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, không yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

Bị hại Giàng A T tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, xin cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, cho hưởng án treo, bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản, đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng vật chứng, lời khai bị hại, người làm chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Bị cáo Hà Thị H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; khoảng 3 giờ 30 phút ngày 19/11/2017, tại nhà ở của Lương Văn H1, có địa chỉ T 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, Hà Thị H đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt số tiền là 2.000.000VNĐ để trong chiếc ví cất trong cặp (túi

xách) của anh Giàng A T; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo tuổi còn rất trẻ nhưng không chuyên tâm lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá là 2.000.000VNĐ, mục đích lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của anh T mà còn làm ảnh hưởng về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (từ trước tới nay chưa phạm tội lần nào, tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội (dưới 50.000.000VNĐ), mức cao nhất của khung hình phạt là đến ba năm tù); gây thiệt hại không lớn; bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, là phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; thực hiện hành vi phạm tội bột phát, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, mức cao nhất của khung phạt đến 3 năm tù, nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận, có khả năng tự cải tạo, tuổi đời bị cáo còn trẻ cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương nhưng ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung cho các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo lao động trồng trọt thu nhập thấp, không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo, có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội do vậy các bị cáo được tại ngoại.

[8] Đối với Hà Thị Lan A, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2007 là người đã lén lút chiếm đoạt số tiền 2.500.000VNĐ của anh Giàng A T nhưng khi thực hiện hành vi A được 10 năm 08 tháng 03 ngày tuổi là trẻ em chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan chức năng không xử lý đối với Hà Thị Lan A là có căn cứ quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Riêng đối với Lường Văn H1 là người được bị cáo H đưa tiền để chi tiêu nhưng H1 không biết rõ nguồn gốc tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[9] Vật chứng của vụ án:

01 cặp (túi xách) giả da màu đen, 03 ngăn và 01 ví giả da màu đen là vật dụng thuộc sở hữu của anh Giàng A T giao nộp để phục vụ công tác điều tra nên cần trả lại cho anh T, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 chiếc xe đạp mini màu hồng là vật chứng chứng minh việc Hà Thị Lan A chiếm đoạt số tiền của anh T để mua được nhưng bị đơn dân sự Hà Thị H đã bồi thường lại toàn bộ số tiền A đã lấy là 2.500.000VNĐ cho anh T; mặt khác cũng vì trẻ em (cháu Lan A) sống thiếu thốn, khó khăn nên trả lại cho bị đơn dân sự, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo, bị đơn dân sự, bị hại Giàng A T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản là 4.500.000VNĐ, anh T đã nhận đủ và không yêu cầu đề nghị gì thêm, không ai đề nghị ghi nhận việc thỏa thuận.

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số nhưng bị cáo không có đơn, không đề nghị xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị H (Hà Thị H) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Hà Thị H (Hà Thị H) 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 12/7/2018. Không áp dụng phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Hà Thị H (Hà Thị H) cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng:

Trả lại: 01 chiếc cặp giả da màu đen, 03 ngăn và 01 ví giả da màu đen cho anh Giàng A T.

Trả lại: 01 chiếc xe đạp mini màu hồng cho bị đơn dân sự Hà Thị H.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hà Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/7/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS.);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà